

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 140 /2022/HS-PT

Ngày: 20/9/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Lệ Thu

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Khắc Hoàng, Ông Bùi Quang Năng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Vân Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Lê, Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 94/2022/TLPT-HS ngày 25/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXP-HS ngày 12/8/2022 với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Thái Đình B**; sinh ngày: 05 tháng 4 năm 1992; tại thị trấn Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ dân phố 05, thị trấn Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc: Kinh; tôn G: không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Thái Đình T và bà Đào Thị Th; vợ Nguyễn Thị Thúy Ng và 02 con, đứa lớn sinh năm 2015, đứa nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 06/8/2021 đến ngày 03/11/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn “cho gia đình Bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Tiên T**; sinh ngày: 15 tháng 7 năm 1991; tại xã Sơn Lâm, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc: Kinh; tôn G: không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Tiên Viện và bà Nguyễn Thị H; Vợ: Nguyễn Hương Gi và 01 con, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 06/8/2021 đến ngày 01/9/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn “cho gia đình Bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại:** Chị Phạm Thị H; sinh ngày: 04/4/1972. Nghề nghiệp: Buôn bán. Địa chỉ: Thôn 02, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Phạm Thị H; sinh ngày: 04/4/1972. Nghề nghiệp: Buôn bán. Địa chỉ: Thôn 02, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Phạm Nh ; sinh ngày: 10/9/2001. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn 02, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên.

3. Anh Nguyễn Tiến Đ; sinh ngày: 6/10/1992. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Tổ dân phố 03, thị trấn Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Võ Văn Lsinh ngày: 20/11/1996. Nghề nghiệp: Lái xe. Địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại tòa phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt

5. Anh Nguyễn Văn N. Sinh ngày: 10/7/1988. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Anh Nguyễn Huy T; sinh ngày: 02/8/1988. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Anh Nguyễn Tiến Đ; sinh ngày: 12/6/2002. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn 02, xã S Huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Chị Trần Thị D sinh ngày: 25/11/1980. Nghề nghiệp: Buôn bán. Địa chỉ: Thôn Tr, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Anh Đoàn Bá D; sinh ngày: 10/9/1985. Nghề nghiệp: Lái xe. Địa chỉ: Thôn Tr, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

10. Anh Nguyễn Thành Tr; sinh ngày: 29/12/1990. Nghề nghiệp: Lái xe. Địa chỉ: Thôn 7, xã Quang D, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

11. Anh Hồ Việt H; sinh ngày: 10/02/1992. Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do. Địa chỉ: Thôn Hồ S, xã Sơn Tr, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

12. Anh Trần Minh H; sinh ngày: 01/01/1988. Nghề nghiệp: Thợ điện – Điện lực huyện H. Địa chỉ: Thôn Hà Tr, xã Sơn Tr, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

13. Anh Hồ Đình Th; sinh ngày: 3/7/1996. Nghề nghiệp: Sinh viên. Địa chỉ: Tổ dân phố 01, thị trấn Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

14. Anh Đoàn Đình S; sinh ngày: 27/9/1993. Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng. Địa chỉ: Thôn 02, xã Sơn G, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

15. Anh Trần Xuân Qt; sinh ngày: 6/6/1987. Nghề nghiệp: Buôn bán. Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

16. Chị Nguyễn Hương G; sinh ngày: 28/10/1998. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

17. Chị Nguyễn Thị Thúy Ng; sinh ngày: 4/7/1994. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn 4, xã Quang D, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

18. Ông Thái Đình T; sinh ngày: 28/02/1961. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

19. Chị Đào Thị Th; sinh ngày: 25/9/1973. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

20. Anh Phạm Văn M; sinh ngày: 10/12/1970. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn 02, xã Sơn G, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

21. Chị Trần Thị Khánh L; sinh ngày: 02/8/1991. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

22. Ông Nguyễn Văn Đ; sinh ngày: 07/5/1964. Nghề nghiệp: Buôn bán. Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn Ph, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

23. Ông Nguyễn Xuân H. Sinh ngày: 10/8/1968. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn 5, xã Quang D, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu vay tiền để buôn bán các loại hoa, quả. Ngày 06/5/2020, chị Phạm Thị H vay của Thái Đình B và Nguyễn Tiến T số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Đến ngày 07/6/2020, chị H vay tiếp của B 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Chị H thực hiện việc trả lãi đầy đủ hàng tháng cho B và T. Từ tháng 5/2021 trở về sau, chị H nợ tiền lãi của B và T nên cuối tháng 7/2021, B nảy sinh ý định đến cửa hàng bán hoa quả của chị H tại chợ Ph thuộc tổ dân phố 05, thị trấn Ph, huyện H gây sức ép để đòi nợ tiền lãi. Để thực hiện việc gây sức ép đòi nợ, B rủ T tham gia, T đồng ý và cả hai thống nhất ngày 04/8/2021 cùng nhau đi đòi nợ. Sáng ngày 04/8/2021, B gọi điện rủ Cao Ngọc H. Nguyễn Tiến T gọi điện rủ Nguyễn Văn G; Hà và G đồng ý. Nguyễn Văn G rủ Nguyễn Đức H, H đồng ý. Vào khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, B điều khiển xe ô tô bán tải, nhãn hiệu FORD, loại Ranger, màu vàng đen, biển kiểm soát 38C-145.24 mượn của ông Nguyễn Xuân H (Ông H không biết B mượn xe ô tô để đi đòi nợ) đến đón Hà, G và H đi đến trước cửa hàng bán hoa quả của chị Huyền. Khi đến, B dừng và hạ kính lái xe ô tô, thấy chị H đang đứng trong cửa hàng nên hỏi “bà có trả nợ không”, chị H trả lời “chưa có trả”. Ngay lúc này, B bảo mọi người “bây xuống xe bung hoa quả lên cho tau, chọn loại mô ngon ngon”. Tiếp nhận lời nói của B, Hà, G và H xuống xe, H mở thùng xe rồi cùng Hà và G đi vào quầy hoa quả bung các mẹt đựng hoa quả để lên thùng xe ô tô, còn B và T ngồi trên xe. Thấy vậy chị H nói “Bây mần chi rứa” thì G nói “Anh B nhủ lấy”, ba người vẫn tiếp tục bung hoa quả của chị H lên xe. Thấy B có lời nói, thái độ hung hăng, đồng thời thấy B, T, Hà, H, G là những thanh niên to khỏe, xăm trổ nên chị H sợ không dám ngăn cản rồi đi lên tầng 2 của cửa hàng trốn tại đây. Một lát sau anh Phan Xuân Th là quản lý chợ thị trấn Ph cùng một số bảo vệ đến và khuyên can nên H, G và H lên xe ô tô cùng số hoa quả gồm 6,5kg quả lê, loại quả lê Nam Phi nhập khẩu; 11,5kg quả táo tàu; 18kg quả táo Mỹ; 7kg quả dưa lưới; 12kg quả dưa hấu; 5,4kg quả nho Mỹ và 03 cái mẹt bằng tre, đã qua sử dụng rồi đi về.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã triệu tập Thái Đình B, Nguyễn Tiến T, Cao Ngọc H, Nguyễn Văn G và Nguyễn Đức H làm việc. Quá trình làm việc, B đã giao nộp chiếc xe ô tô bán tải trên cùng toàn bộ số hoa quả mà B cùng T, Hà, G và H lấy được.

\* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14/KLĐG- HĐĐGTS ngày 05/8/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng thuộc UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh kết luận: Toàn bộ số tài sản trên có giá trị 4.005.000 đồng).

Ngoài thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản trên, từ tháng 01/2020 đến tháng 8/2021, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra và chứng minh được Thái Đình B cùng Nguyễn Tiến T còn thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 09 người vay với tổng số tiền 117.000.000 đồng với lãi suất 182,5 %/năm. Số tiền lãi B và T đã thu được 244.350.000 đồng, trong đó: Số tiền lãi B và T thu được theo quy định của BLDS 26.778.082 đồng, số tiền B và T thu lợi bất chính 217.571.918 đồng.

Ngoài ra Thái Đình B còn một mình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong GD dân sự đối với 08 người với tổng số tiền 160.000.000đ lãi suất từ 120% năm đến 182,5% năm. Số tiền lãi B thu được theo quy định của BLDS 18.426.940đ, số tiền B thu lợi bất chính 139.773.060đ

Tại bản án số 38 /HSST ngày 15/6/2022 TAND huyện H đã căn cứ khoản 1 Điều 170, khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 55, Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Thái Đình B 14 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Xử phạt bị cáo Thái Đình B 08 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo Thái Đình B phải chấp hành là 22 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 06/8/2021 đến ngày 03/11/2021 vào thời hạn chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170, khoản 2 Điều 201; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 55, Điều 58 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T mức án tù 12 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T 06 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo Nguyễn Tiến T phải chấp hành là 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 06/8/2021 đến ngày 01/9/2021 vào thời hạn chấp hành án.

\* **Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 2 và 3 Điều 35, khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Xử phạt tiền là hình phạt bổ sung bị cáo Thái Đình B 30.000.000 đồng. bị cáo Nguyễn Tiến T 30.000.000 đồng.

\* **Về biện pháp tư pháp:**

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, sung quỹ Nhà nước:

.+ Truy thu sung công quỹ nhà nước bị cáo Thái Đình B số tiền 67.543.720 (Sáu mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi đồng). Trong đó: 31.815.981 đồng là số tiền lãi bị cáo B được hưởng theo quy định của Bộ luật

Dân sự.35.72.740 đồng là số tiền lãi bị cáo B thu lợi bất chính vượt quá mức lãi suất tối đa quy định.

+ Truy thu sung công quỹ nhà nước bị cáo Nguyễn Tiến T số tiền 18.397.602 (mười tám triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm linh hai đồng). Trong đó: 13.389.041 đồng là số tiền lãi bị cáo T được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự. 5.008.561 là số tiền lãi bị cáo T thu lợi bất chính vượt quá mức lãi suất tối đa quy định.

Ngày 23/6/2022 bị cáo Thái Đình B và bị cáo Nguyễn Tiến T kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo

Ngày 14/7/2022 VKSND Tỉnh Hà Tĩnh ban hành kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số 38 /2022 ngày 15/6/2022 TAND huyện H đối với phần biện pháp tư pháp

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKS giữ nguyên nội dung kháng nghị, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 357 BLTTHS chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo, và đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị của VKSND Tỉnh Hà Tĩnh, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt chính và biện pháp tư pháp.

-Về phần hình phạt: đề nghị HĐXX Áp dụng khoản 1 Điều 170, khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 55, Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Thái Đình B 12 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Xử phạt bị cáo Thái Đình B 06 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo Thái Đình B phải chấp hành là 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 06/8/2021 đến ngày 03/11/2021 vào thời hạn chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170, khoản 2 Điều 201; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 55, Điều 58 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T mức án 6 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T 06 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo Nguyễn Tiến T phải chấp hành là 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 06/8/2021 đến ngày 01/9/2021 vào thời hạn chấp hành án.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm theo hướng

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, tịch thu, sung quỹ Nhà nước:

+ Tại bị cáo Thái Đình B số tiền 31.815.981 đồng là số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay; tại bị cáo Nguyễn Tiến T số tiền 13.389.041 đồng là số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay.

+ Số tiền vay gốc từ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn L 40.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Thái Đình B trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, gồm anh Hồ Việt H 26.712.329 đồng, anh Hồ Đình Th 4.006.849 đồng./.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Kháng nghị của VKS và kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét. Các hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm. Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 8/2021, Thái Đình B và Nguyễn Tiến T đã cho vay tổng số tiền 117.000.000 đồng với lãi suất 182,5%/năm. Số tiền lãi B và T đã thu 244.350.000 đồng, trong đó số tiền B và T thu lợi bất chính 217.571.918 đồng. Ngoài ra, bản thân Thái Đình B còn cho vay tổng số tiền 160.000.000 đồng với lãi suất từ 120%/năm đến 182,5% năm. Số tiền lãi B đã thu 158.200.000 đồng, trong đó số tiền B thu lợi bất chính 139.773.060 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình cho vay lãi nặng, do bức xúc trong việc không thu được tiền lãi nên khoảng 09 giờ 30 phút ngày 04/8/2021 tại ki ốt của chị Phạm Thị H thuộc tổ dân phố 05, thị trấn Ph, huyện H. Thái Đình B, Nguyễn Tiến T, cùng các bị cáo khác đã có thủ đoạn uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt trái phép 6,5kg quả lê, loại quả lê Nam Phi nhập khẩu; 11,5kg quả táo tàu; 18kg quả táo Mỹ; 7kg quả dưa lưới; 12kg quả dưa hấu; 5,4kg quả nho Mỹ và 03 cái mẹt bằng tre của bà Huyền, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt 4.005.000 đồng nên đã phạm vào tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Xét các bị cáo Thái Đình B, Nguyễn Tiến T có đầy đủ năng lực TNHS phạm tội với lỗi cố ý vì vậy đủ cơ sở

kháng định án sơ thẩm số 38/HSST ngày 15/6/2022 của TAND Huyện H đã xét xử các bị cáo Thái Đình B, Nguyễn Tiến T theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có gì oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo Thái Đình B, Nguyễn Tiến T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách của nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn và sự thiếu hiểu biết của người khác để cho vay tiền với lãi suất cao hơn mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định để thu lợi bất chính. Bên cạnh đó, các bị cáo Thái Đình B, Nguyễn Tiến T, cùng các bị cáo khác do bức xúc trong việc không thu được tiền lãi nên đã có thủ đoạn uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt trái phép tổng giá trị tài sản 4.005.000 đồng là trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các hành vi đó làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, bất B trong quần chúng nhân dân. Điều đó, chứng tỏ các bị cáo bất chấp và coi thường pháp luật nên cần xét xử các bị cáo mức án nghiêm.

[5] Đối với tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Bị cáo Thái Đình B thực hiện hành vi cho vay lãi nặng thu lợi bất chính số tiền 357.344.978 đồng; bị cáo Nguyễn Tiến T thực hiện hành vi cho vay lãi nặng thu lợi bất chính số tiền 217.571.918 đồng nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng "*Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên*" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản và cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, Thái Đình B là người khởi xướng, giữ vai trò chính. Bị cáo Nguyễn Tiến T với vai trò là người giúp sức. Quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm cũng đã xem xét cân nhắc vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án, xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHS đối với cả hai bị cáo để xử các bị cáo mức án phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo Nguyễn Tiến T xuất trình đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn và biên lai nộp số tiền tịch thu sung quỹ nhà nước, Thái Đình B nộp tiền án phí, đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đề nghị xem xét tình tiết ủng hộ công tác phòng chống dịch covid 19 ở địa phương mà quá trình ở cấp sơ thẩm chưa được xem xét. Xét các tình tiết mới của các bị cáo xuất trình và nhân thân của các bị cáo HĐXX chấp nhận đề nghị của VKS giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét kháng nghị của VKS ND tỉnh Hà Tĩnh nhận thấy:

- Đối với số tiền thu lợi bất chính 217.571.918 đồng Thái Đình B và Nguyễn Tiến T có được từ việc góp vốn cho vay: Các bị cáo B và T đã trả lại đầy đủ cho anh Nguyễn Văn Nam, anh Võ Văn L, chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Tiến, anh Nguyễn Huy Tiệp Đ, anh Nguyễn Thành Tr, chị Trần Thị D, anh Đoàn Bá D, anh Nguyễn Tiến Đ. Bản án tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước tại Nguyễn Tiến T 5.008.561 đồng (là số tiền lãi bị cáo T thu lợi bất chính vượt quá mức lãi suất tối đa quy định) là không đúng.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính 139.773.060 đồng Thái Đình B có được từ việc cho anh Võ Văn L, anh Hồ Việt H, anh Hồ Đình Th, anh Trần Minh H, chị Phạm Thị H, anh Trần Xuân Q, anh Đoàn Đình S và anh Nguyễn Tiến Đ vay, hiện nay bị cáo B đã trả lại cho 06 người với tổng số tiền 109.053.882 đồng. Thái Đình B chưa trả lại cho 02 người, gồm anh Hồ Việt H 26.712.329 đồng, anh Hồ Đình Th 4.006.849 đồng. Bản án sơ thẩm nhận định cần truy thu số tiền này từ bị cáo B để sung quỹ Nhà nước, đồng thời quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước tại Thái Đình B 3.572.740 đồng (số tiền lãi bị cáo B thu lợi bất chính vượt quá mức lãi suất tối đa quy định) là vi phạm khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Đây là khoản tiền thu lợi bất chính thực tế mà những người vay là anh Hồ Việt H và anh Hồ Đình Th đã trả cho bị cáo B, do đó, cần buộc Thái Đình B phải trả lại cho người vay.

- Đối với số tiền vay gốc hiện những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa trả cho các bị cáo Thái Đình B và Nguyễn Tiến T là phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Trong đó, anh Võ Văn L đã vay tổng số tiền 40.000.000 đồng (ngày 12/01/2020 vay của Thái Đình B và Nguyễn Tiến T 10.000.000 đồng; từ ngày 24/01/2020 đến ngày 10/6/2021 vay của Thái Đình B 30.000.000 đồng). Bản án sơ thẩm tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền vay gốc 35.000.000 đồng tại anh Võ Văn L là chưa chính xác.

Do đó, kháng nghị của VKS là có cơ sở, cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí HSPT do kháng cáo được chấp nhận

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điểm c khoản 1 điểm a khoản 2 điều 357 BLTTHS chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của các bị cáo Thái Đình B và Nguyễn Tiến T. Sửa bản án sơ thẩm số 38 /HSST ngày 15/6/2022 của TAND huyện H tỉnh Hà Tĩnh về phần hình phạt chính, chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị của VKSND Tỉnh Hà Tĩnh sửa bản án sơ thẩm số 38 ngày 15/6/2022 của TAND Huyện H về biện pháp tư pháp

- Áp dụng khoản 1 Điều 170, khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 55, Điều 58 BLHS:

Xử phạt bị cáo Thái Đình B 12 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo Thái Đình B 06 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”



Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo Thái Đình B phải chấp hành là 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 06/8/2021 đến ngày 03/11/2021 vào thời hạn chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170, khoản 2 Điều 201; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 55, Điều 58 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T mức án 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T 06 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo Nguyễn Tiến T phải chấp hành là 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 06/8/2021 đến ngày 01/9/2021 vào thời hạn chấp hành án.

## 2. Về biện pháp tư pháp:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, tịch thu, sung quỹ Nhà nước:

+ Tại bị cáo Thái Đình B số tiền 31.815.981 đồng là số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay; tại bị cáo Nguyễn Tiến T số tiền 13.389.041 đồng là số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay.

+ Số tiền vay gốc từ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn L 40.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Thái Đình B trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, gồm anh Hồ Việt H 26.712.329 đồng, anh Hồ Đình Th 4.006.849 đồng./.

Kể từ ngày anh Hồ Việt H, anh Hồ Đình Th có đơn yêu cầu thi hành án thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ điều 135,136 BLTTHS, điểm h khoản 2 Điều 23 NQ 326 của UBTVQH các bị cáo không phải chịu án phí HSPT

**Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị**

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, CA, THA sơ thẩm;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- NLQ: Hồ Đình Th, Hồ Việt H, Võ Văn L

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Trương Thị Lệ Thu**